

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế (Sau đây gọi là Dự thảo Nghị định). Kết quả như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Căn cứ quy định tại Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính và các Quyết định số 1462/QĐ-BTC, Quyết định số 1463/QĐ-BTC, Quyết định số 1464/QĐ-BTC ngày 22/7/2022 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực thuế, hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, bộ TTHC thuế hiện nay bao gồm: 219 TTHC được thực hiện ở 03 cấp: cấp Cục (22), cấp Chi cục Thuế khu vực (177), cấp Đội Thuế liên huyện (139) (Cấp Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế trước đây), được phân loại theo 03 mức độ:

- TTHC mức độ Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 134 TTHC, tỷ lệ 61,2% tổng số TTHC (đã tích hợp lên Cổng DVCQG: 105 TTHC, đạt 48% trên tổng số TTHC)

- TTHC mức độ Dịch vụ công trực tuyến một phần: 01 TTHC

- TTHC mức độ Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến: 84 TTHC

Thông kê cho thấy, số lượng TTHC thuế từ 304 TTHC (năm 2020) đến nay giảm còn 219 TTHC đã góp phần giúp doanh nghiệp, người dân tiết kiệm chi phí, thời gian trong thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, thúc đẩy ứng

dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính thuế. Mặc dù số lượng TTHC thuế đã được cắt giảm khá nhiều, song trên thực tế vẫn có những TTHC thuế không thực sự cần thiết. Đặc biệt, trong bối cảnh nền kinh tế số đang phát triển mạnh mẽ hiện nay, công tác cải cách TTHC thuế cũng đặt ra không ít vấn đề cho ngành Thuế.

Tại mục V Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nêu phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong 10 năm từ năm 2021 đến năm 2030, trong đó tập trung vào cải cách hành chính như sau: "*Cải cách thủ tục hành chính một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch (điểm 1)*" và "*đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp (điểm 4)*".

Ngày 09/3/2025, Thủ tướng Chính phủ có Công điện số 22/CĐ-TTg về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm cắt giảm thủ tục hành chính (TTHC), cải thiện môi trường kinh doanh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tại tiết a điểm 1 công điện có giao nhiệm vụ cho các Bộ như sau: "*Tập trung rà soát kỹ lưỡng, cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân, bảo đảm giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí kinh doanh (chi phí tuân thủ); bãi bỏ 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết; thực hiện các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp trên môi trường điện tử, bảo đảm thông suốt, liền mạch, hiệu quả.*". Theo đó, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, tổng kết quá trình thực hiện các thủ tục hành chính quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP để thực hiện cắt giảm những thủ tục hành chính phức tạp, thành phần hồ sơ rườm rà.

Cục Thuế đã chỉ ra nhiệm vụ rà soát, chuẩn hóa TTHC theo hướng đơn giản, minh bạch, phấn đấu 100% DVCTT đạt mức toàn trình, đủ điều kiện tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Nâng cao chất lượng cung cấp DVCTT, thanh toán trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử (Etax Services) và tích hợp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Nâng cấp ứng dụng đáp ứng việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên hệ thống theo Quy trình một cửa. Công khai tiến trình giải quyết TTHC trên trang điện tử theo thời gian thực để NNT theo dõi, tra cứu.

Hiện nay, theo Quyết định số 1462/QĐ-BTC, Nghị định 126/2020/NĐ-CP đang quy định 143/219 thủ tục hành chính toàn ngành thuế. Theo dự kiến ước tính tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, cơ quan thuế sẽ cắt, giảm và đơn giản hóa được 44/143 TTHC (chiếm 30,8%), trong đó sửa đổi, bổ sung 19/143 TTHC (chiếm 13,3%), bãi bỏ 25/143 TTHC (chiếm 17,5%). Theo đó, ước tính cắt, giảm được 756.001.948.945 đồng. (chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo).

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

2.1. Mục đích đánh giá

- Đánh giá tác động các quy định về thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính cần thiết, hợp lý, hợp pháp và hiệu quả của thủ tục hành chính trước khi ban hành.

- Cắt giảm tối đa gánh nặng, chi phí, thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, giảm bớt chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

- Rà soát, đánh giá sự phù hợp của thủ tục hành chính với yêu cầu triển khai dịch vụ công trực tuyến, tạo cơ sở xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công điện tử hiệu quả, thuận tiện.

- Phát hiện, chỉnh sửa hoặc cắt giảm các thủ tục hành chính phức tạp, phiền hà, không phù hợp với thực tiễn, đồng thời bổ sung các thủ tục cần thiết đáp ứng nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Yêu cầu đánh giá

- Đánh giá phải toàn diện, khách quan, trung thực, trên cơ sở phân tích cụ thể từng nội dung TTHC được đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ.

- Bảo đảm bám sát các nguyên tắc cải cách TTHC theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09/3/2025 và các văn bản có liên quan.

- Kết quả đánh giá phải phục vụ trực tiếp cho việc hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, đồng thời làm căn cứ để thực hiện việc công bố, công khai, cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC sau khi Nghị định được ban hành.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

2.1. Thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới: Không có

2.2. Thủ tục hành chính được sửa đổi, đơn giản hóa: (19 TTHC)

(1) Khai tiền thuê đất

- Sự cần thiết của TTHC: TTHC được sửa đổi sau khi bỏ cụm từ “thuê mặt nước” tại hồ sơ Khai tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước. Theo quy định tại Nghị định 103/2024/NĐ-CP, tiền thuê đất bao gồm cả tiền thuê đất có mặt nước, không sử dụng cụm từ “thuê mặt nước” như Nghị định 46/2014/NĐ-CP. Do đó, quy định “thuê mặt nước” tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP là không còn phù hợp với quy định pháp luật về đất đai.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và quy định tại các văn bản QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, đơn giản hóa, TTHC cắt giảm được 2,116,774,986 đồng.

(2) Giảm tiền thuê đất

- Sự cần thiết của TTHC: TTHC được sửa đổi sau khi bỏ cụm từ "thuê mặt nước" tại tên TTHC, bỏ từ "miễn" tại tên văn bản Đề nghị miễn, giảm trong hồ sơ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước.

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024, đối với trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì không phải thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được miễn và người sử dụng đất được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất không phải thực hiện thủ tục đề nghị miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

+ Ngoài ra, Theo quy định tại Nghị định 103/2024/NĐ-CP, tiền thuê đất bao gồm cả tiền thuê đất có mặt nước, không sử dụng cụm từ "thuê mặt nước" như Nghị định 46/2014/NĐ-CP. Do đó, quy định "thuê mặt nước" tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP là không còn phù hợp với quy định pháp luật về đất đai.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với Luật Đất đai năm 2024, Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và quy định tại các văn bản QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, đơn giản hóa, TTHC cắt giảm được 2,994,750,384 đồng.

(3) Giảm thu tiền sử dụng đất

- Sự cần thiết của TTHC: TTHC được sửa đổi sau khi bỏ từ "miễn" tại tên văn bản Đề nghị miễn, giảm trong hồ sơ khai tiền sử dụng đất. Theo quy định tại khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024, đối với trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì không phải thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được miễn và người sử dụng đất được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất không phải thực hiện thủ tục đề nghị miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với Luật Đất đai năm 2024 và quy định tại các văn bản QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, đơn giản hóa, TTHC cắt giảm được 2,801,677,002 đồng.

(4) Khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB (1.007040)

- Sự cần thiết của TTHC: TTHC được sửa đổi từ việc gộp TTHC "Khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học" vào TTHC

“Khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB” do 02 TTHC có nhiều chỉ tiêu tương đồng về nội dung quản lý. Đồng thời thực hiện hỗ trợ tự động tính toán đối với các Tờ khai, Phụ lục

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định tại các văn bản QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, gộp TTHC, chi phí tuân thủ tăng lên thành 21,074,998,013 đồng. Số TTHC cắt giảm được sau khi bù trừ với TTHC bị hủy bỏ: 8,485,118,752 đồng.

(5) Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu - chi phí (1.008346)

- Sự cần thiết của TTHC: TTHC được sửa đổi từ việc gộp TTHC “Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp” vào TTHC “Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu - chi phí. Đồng thời cắt giảm Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03-1A/TNDN hoặc mẫu số 03-1B/TNDN hoặc mẫu số 03-1C/TNDN và thực hiện hỗ trợ tự động tính toán đối với các Tờ khai, Phụ lục.

+ Luật Quản lý thuế quy định thành phần hồ sơ đối với khai quyết toán thuế bao gồm Báo cáo tài chính (BCTC năm hoặc BCTC đến thời điểm có quyết định giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động hoặc tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về kiểm toán độc lập, trừ trường hợp không phải lập báo cáo tài chính theo quy định). Báo cáo tài chính đã bao gồm Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tương tự Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu 03-1A, 03-1B, 03-1C. Do vậy, có thể khai thác dữ liệu kết quả kinh doanh trực tiếp từ nguồn báo cáo tài chính. Việc gộp để giảm thành phần hồ sơ mẫu biểu giúp NNT tránh phải kê các mẫu biểu tương tự nhau. Các phụ lục khác đề xuất không cắt giảm do: Mẫu biểu được thiết kế theo quy định chính sách tại các VBQPPL, NNT chỉ phải khai mẫu biểu tương ứng nếu có phát sinh, không phải khai tất cả các mẫu biểu.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định tại quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, gộp TTHC, chi phí tuân thủ giảm đi còn 196,689,780,877 đồng. Số TTHC cắt giảm được sau khi bù trừ với TTHC bị hủy bỏ: 108,402,272,660 đồng.

(6) Khai quyết toán thuế/ Hoàn thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế (2.002233)

- Sự cần thiết của TTHC: Sửa đổi tên thành phần hồ sơ tại hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân tại điểm b mục 9 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định

126/2020/NĐ-CP như sau: “Bản sao (bản chụp từ bản chính) các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có).

+ Trường hợp tổ chức trả thu nhập thực hiện chuyển dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử đến cơ quan thuế, người nộp thuế không cần nộp bản sao các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ.

+ Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.”

Theo quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 2 Điều 6 Nghị định 123/2020/NĐ-CP và khoản 3, khoản 22 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP về chứng từ điện tử và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi sử dụng chứng từ điện tử, đề xuất bổ sung quy định về trường hợp tổ chức trả thu nhập thực hiện chuyển dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử đến cơ quan thuế, người nộp thuế không cần nộp bản sao các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ góp phần đơn giản hóa thành phần hồ sơ, giảm gánh nặng hành chính cho người nộp thuế, phù hợp với định hướng chuyên đổi số và cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với Nghị định 123/2020/NĐ-CP, Nghị định 70/2025/NĐ-CP và quy định tại các văn bản QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, đơn giản hóa, TTHC cắt giảm được 59,099,827,238 đồng.

(7) Khai thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản

- Sự cần thiết của TTHC: TTHC được sửa đổi từ việc gộp 06 TTHC (bao gồm: *Khai thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam (1.007684); Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản trong trường hợp góp vốn bằng bất động sản. (1.007678); Khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) (1.007682); Khai thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) tại nước ngoài (1.008536); Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà*

tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) tại nước ngoài (1.008539); Khai thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức nơi cá nhân có vốn góp khai thay cho cá nhân trong trường hợp cá nhân góp vốn bằng bất động sản (1,011009)) vào TTHC “Khai thay thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam (1,007674)”

Theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Căn cước năm 2023, từ ngày 01/01/2025, giấy chứng minh nhân dân sẽ không còn hiệu lực pháp lý. Tại khoản 6 Điều 9 Nghị định 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định thông tin về danh tính điện tử và thông tin tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử có giá trị chứng minh, tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác. Đồng thời, cơ quan thuế có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giải quyết TTHC cho người nộp thuế theo quy định khi thông tin trong các loại giấy tờ về lai lịch, nhận dạng, cư trú của công dân đã được tích hợp, cập nhật đầy đủ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (khi kết nối với cơ quan thuế). Do đó đề xuất sửa đổi theo hướng gộp các TTHC như trên và bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân phù hợp với thông tin đã khai trên tờ khai thuế”.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định của Luật Căn cước, Nghị định số 69/2024/NĐ-CP và quy định tại các văn bản QPPL khác mà còn phù hợp với chủ trương tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trong phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, gộp TTHC, chi phí tuân thủ tăng lên thành 3,626,169,462 đồng. Số TTHC cắt giảm được sau khi bù trừ với TTHC bị hủy bỏ: 1,753,048,816 đồng.

(8) Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân

- Trường hợp khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp của năm

- Sự cần thiết của TTHC: Căn cứ tính thuế đối với đất ở của hộ gia đình và cá nhân trong trường hợp khai lần đầu, khai khi có thay đổi chủ sở hữu do chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho là hoàn toàn giống nhau về các trường chỉ tiêu, chỉ khác nhau về cơ quan xác nhận. Do đó cần thiết thực hiện các việc sau, cụ thể:

+ Gộp 02 Tờ khai 01/TK-SDDPNN- Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trừ chuyển nhượng, thừa kế, tặng

cho quyền sử dụng đất) và Tờ khai 04/TK-SDDPNN- Tờ khai thuê sử dụng đất phi nông nghiệp (áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất) vào làm 01 Tờ khai, ký hiệu là 01/TK-SDDPNN.

+ Bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao các giấy tờ liên quan đến thửa đất chịu thuế: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất”.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định tại các văn bản QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, đơn giản hóa, TTHC cắt giảm được 540,921,162,081 đồng.

(9) Khai lệ phí trước bạ/ Miễn lệ phí trước bạ đối với tài sản khác theo quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ (trừ tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển nếu thiếu hồ sơ gốc hoặc đóng mới tại Việt Nam) (1.007700)

- Sự cần thiết của TTHC: Bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp (đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự)” và “Bản sao Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe của cơ quan Công an xác nhận (đối với tài sản đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tại Việt Nam từ lần thứ 2 trở đi). Khi người nộp thuế nhập các thông tin về số giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc số khung (đối với xe nhập khẩu), số seri Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất và lắp ráp trong nước), Công thông tin điện tử của CQT sẽ tự động gửi yêu cầu truy vấn sang hệ thống ứng dụng của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) để lấy các thông tin tài sản hiện thị trên tờ khai LPTB theo mẫu 02/LPTB Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC. Do đó, đề xuất bỏ thành phần hồ sơ trên do dữ liệu này đã được liên thông với Bộ Xây dựng.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định tại các văn bản QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, đơn giản hóa, TTHC cắt giảm được 20,109,885,421 đồng.

(10) Khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác (1.008333)

- Sự cần thiết của TTHC: Bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề có xác nhận của người nộp thuế” tại hai TTHC. Khi hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, NTN phải thực hiện các thủ

tục để đăng ký các hoạt động kinh doanh theo pháp luật chuyên ngành. Đồng thời, theo khoản 4 Điều 7 Thông tư số 86/2024/TT-BTC, NTNN có trách nhiệm nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Cục Thuế quản lý, trong đó phải kê khai thông tin giấy phép kinh doanh tại Việt Nam (nếu có) theo mẫu số 04-ĐK-TCT. Bên cạnh đó, Điều 17 Luật Quản lý thuế quy định rõ nghĩa vụ của NNT trong việc khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và đúng thời hạn; đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ thuế đã nộp.

Do đó việc yêu cầu NNT nộp bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy phép hành nghề trong hồ sơ khai thuế là không cần thiết và trùng lặp với thông tin đã cung cấp ở bước đăng ký thuế.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định của Luật Quản lý thuế, Thông tư số 86/2024/TT-BTC và quy định tại các văn bản QPPL khác mà còn phù hợp với chủ trương tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trong phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, đơn giản hóa, 02 TTHC cắt giảm được 5,015,542,840 đồng.

(11) Khai thuế đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu (1.010345)

- Sự cần thiết của TTHC: Bò thành phần hồ sơ “Bản sao giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề có xác nhận của người nộp thuế” tại hai TTHC. Khi hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, NTNN phải thực hiện các thủ tục để đăng ký các hoạt động kinh doanh theo pháp luật chuyên ngành. Đồng thời, theo khoản 4 Điều 7 Thông tư số 86/2024/TT-BTC, NTNN có trách nhiệm nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu tại Cục Thuế quản lý, trong đó phải kê khai thông tin giấy phép kinh doanh tại Việt Nam (nếu có) theo mẫu số 04-ĐK-TCT. Bên cạnh đó, Điều 17 Luật Quản lý thuế quy định rõ nghĩa vụ của NNT trong việc khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và đúng thời hạn; đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ thuế đã nộp.

Do đó việc yêu cầu NNT nộp bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy phép hành nghề trong hồ sơ khai thuế là không cần thiết và trùng lặp với thông tin đã cung cấp ở bước đăng ký thuế.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định của Luật Quản lý thuế, Thông tư số 86/2024/TT-BTC và quy định tại các văn bản QPPL khác mà còn phù hợp với chủ trương tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trong phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Phù hợp với việc ủy

quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, đơn giản hóa, 02 TTHC cắt giảm được 97,752,347 đồng.

(12) Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tái bảo hiểm nước ngoài tại mục 13.6 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

- Sự cần thiết của TTHC: Sửa đổi tên Phụ lục 01-1/TBH đính kèm Tờ khai 01/TBH “*Phụ lục danh mục hợp đồng tái bảo hiểm*” tại mục 13.6 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thành tiêu đề mới là: “*Phụ lục hợp đồng tái bảo hiểm, chứng từ tái bảo hiểm theo tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài*”. Hiện tại, Phụ lục 01-1/TBH đính kèm Tờ khai 01/TBH chỉ liệt kê Danh mục các hợp đồng tái bảo hiểm, không thể hiện được doanh thu phát sinh của từng hợp đồng tái bảo hiểm đó nên chưa phục vụ được công tác quản lý thuế. Do đó sửa đổi Phụ lục 01-1/TBH với tiêu đề mới là “*Phụ lục hợp đồng tái bảo hiểm, chứng từ tái bảo hiểm theo tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài*” sẽ thống kê các hợp đồng tái bảo hiểm hoặc chứng từ tái bảo hiểm, trong đó bổ sung thêm các thông tin phục vụ mục đích quản lý thuế như tên tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài, nước cư trú, địa chỉ trụ sở chính ở nước ngoài (thông tin từ 01/TBH chuyển sang khai ở phụ lục), phí bảo hiểm, doanh thu từ hoạt động tái bảo hiểm; đề nghị bỏ các thông tin theo mẫu cũ: đại diện ký kết, trách nhiệm pháp lý và cam kết của các bên, đối tượng có thẩm quyền kết hợp đồng, các nội dung liên quan đến thuế trong hợp đồng (Mẫu 01-1/TBH đề xuất sửa đổi đính kèm). Theo đó, đề xuất xem xét bỏ quy định người nộp thuế phải cung cấp bản sao hợp đồng mà thay vào đó doanh nghiệp bảo hiểm tự lưu tại đơn vị để theo dõi, xuất trình cho cơ quan chức năng khi có yêu cầu cung cấp.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định tại các văn bản QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, đơn giản hóa, TTHC cắt giảm được 1,651,696 đồng.

(13) Khai thuế tạm tính đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên

- Sự cần thiết của TTHC: TTHC được sửa đổi từ việc gộp TTHC “*Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên (trừ Lô 09.1)*” và TTHC “*Khai thuế tạm tính cho Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1*” vào TTHC “*Khai thuế tài nguyên tạm tính đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên (trừ Lô 09.1)*” do 3 TTHC có cùng nguyên tắc tính thuế trên cơ sở tỷ lệ phần trăm trên doanh thu và cùng nguyên tắc khai tạm tính theo lần phát sinh đối với dầu thô, Condensate và theo tháng đối với khí thiên nhiên.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định tại các văn bản

QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, gộp TTHC, chi phí tuân thủ giảm đi còn 21,704,751 đồng. Số TTHC cắt giảm được sau khi bù trừ với TTHC bị hủy bỏ: 71,891,367 đồng.

(14) Khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà đối với hoạt động dầu khí

- Sự cần thiết của TTHC: TTHC được sửa đổi từ việc gộp TTHC “Khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1 (1.010991)” vào TTHC “Khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ các Hợp đồng phân chia sản phẩm (1.010990)” do không cần thiết tách riêng 2 TTHC này. Việc khai tạm tính tiền lãi dầu khí nước chủ nhà được chia do PVN thực hiện với vai trò đại diện nước chủ nhà.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định tại các văn bản QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, gộp TTHC, chi phí tuân thủ giảm đi còn 21,026,861 đồng. Số TTHC cắt giảm được sau khi bù trừ với TTHC bị hủy bỏ: 16,945,959 đồng.

(15) Khai quyết toán phụ thu đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng (trừ Lô 09.1)

- Sự cần thiết của TTHC: Việc phụ thu trên giá dầu cơ sở do Thủ tướng phê duyệt tại FDP và giá dầu bình quân trong năm. Do đó cần thiết ghép 02 Tờ khai 02/PTHU-DK và 03/PTHU-DK vào 01 Tờ khai thành một tờ khai mới, ký hiệu là 02/PTHU-DK.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định tại các văn bản QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, đơn giản hóa, TTHC cắt giảm được 154,487 đồng.

(16) Khai quyết toán thuế tài nguyên/ Khai quyết toán phụ thu/ Khai quyết toán thuế TNDN của Liên doanh/khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên áp dụng cho Vietsovpetro tại Lô 09.1

- Sự cần thiết của TTHC: TTHC được sửa đổi từ việc gộp TTHC “Khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên áp dụng cho Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1” vào TTHC “Khai quyết toán thuế tài nguyên/ Khai quyết toán phụ thu/ Khai quyết toán thuế TNDN của Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1” do bản chất của 2 TTHC này đều là quyết toán các sắc thuế tạm tính của Liên doanh Vietsovpetro theo quy định tại Hiệp định LCP.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định tại các văn bản

QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, gộp TTHC, chi phí tuân thủ giảm đi còn 335,154 đồng. Số TTHC cắt giảm được sau khi bù trừ với TTHC bị hủy bỏ: 366,547 đồng.

(17) Khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà đối với hoạt động dầu khí

- Sự cần thiết của TTHC: TTHC được sửa đổi từ việc gộp TTHC “*Khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ các Hợp đồng phân chia sản phẩm*” vào TTHC “*Khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1*” do không cần tách riêng 2 TTHC, việc khai tạm Quyết toán tiền lãi dầu khí nước chủ nhà được chia do PVN thực hiện với vai trò đại diện nước chủ nhà.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định tại các văn bản QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, gộp TTHC, chi phí tuân thủ giảm đi còn 2,659,059 đồng. Số TTHC cắt giảm được sau khi bù trừ với TTHC bị hủy bỏ: 1,955,975 đồng.

(18) Gia hạn nộp tiền thuế nợ

- Sự cần thiết của TTHC: TTHC được sửa đổi từ việc gộp TTHC “*Gia hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi có vướng mắc về giải phóng mặt bằng thuê đất*” vào TTHC “*Gia hạn nộp thuế*” do về bản chất, gia hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi có vướng mắc về giải phóng mặt bằng thuê đất là một trường hợp của gia hạn nộp thuế, mẫu biểu hiện hành của 2 TTHC này tương tự nhau, chỉ khác nhau tên gọi, trình tự, thủ tục là như nhau.

Theo đó TTHC mới là “*Gia hạn nộp tiền thuế nợ*” sẽ sử dụng mẫu biểu chung gồm mẫu biểu NNT phải nộp là 01/GHAN và mẫu biểu trả kết quả 02/GHAN, 03/GHAN (đồng thời sửa mẫu biểu 01/GHAN, 02.GHAN. 03/GHAN tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC cho phù hợp).

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định tại các văn bản QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, gộp TTHC, chi phí tuân thủ tăng lên thành 6,645,308,185 đồng. Số TTHC cắt giảm được sau khi bù trừ với TTHC bị hủy bỏ: 2,803,824,470 đồng.

(19) Đề nghị áp dụng APA chính thức

- Sự cần thiết của TTHC: TTHC được sửa đổi từ việc gộp TTHC “*Thỏa thuận song phương*”, “*Gia hạn APA*”, “*Sửa đổi APA*”, “*Hủy bỏ APA*” vào TTHC “*Đề nghị áp dụng APA chính thức*” do bản chất APA song phương là thỏa thuận giữa các cơ quan thuế ký hiệp định thuế với nhau để xác định nghĩa vụ thuế của NNT có liên quan, tránh đánh thuế trùng. Khi NNT đề nghị áp dụng

APA song phương là đề nghị thực hiện thủ tục thỏa thuận song phương theo Hiệp định thuế.

Theo đó, TTHC mới là “*Đề nghị áp dụng APA chính thức*” sẽ sử dụng Mẫu số 01/APA-ĐN theo hướng gộp các thủ tục nêu trên thay cho Mẫu số 02/APA-CT (Đề nghị áp dụng APA chính thức).

Do đó đề xuất gộp chung các chỉ tiêu cần thiết của thủ tục này vào mẫu đơn Đề nghị áp dụng APA chính thức để đơn giản hoá thủ tục cho NNT, lược bỏ số lượng mẫu đơn NNT phải thực hiện.

- Tính hợp pháp của TTHC: TTHC được đề xuất sửa đổi phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, không chồng chéo với quy định tại các văn bản QPPL khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ bộ phận còn lại của TTHC (mẫu tờ khai).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi sửa đổi, gộp TTHC, chi phí tuân thủ tăng lên thành 44,130,995 đồng. Số TTHC cắt giảm được sau khi bù trừ với TTHC bị hủy bỏ: 2,137,593 đồng

2.3. Thủ tục hành chính được bãi bỏ (19 TTHC)

(1) Khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học (1007041)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào với TTHC “*Khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB (1007040)*” để sửa đổi, bổ sung.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 11,877,007,319 đồng.

(2) Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (1,010948)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào với TTHC “*Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu - chi phí (1,008346)*” để sửa đổi, bổ sung.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 632,996,861 đồng.

(3) Đăng ký người phụ thuộc (NPT) giảm trừ gia cảnh đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (2,002229)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Tích hợp vào thủ tục đăng ký thuế. Theo đó, sửa mẫu biểu đăng ký thuế cho NPT thuộc (mẫu số 20-ĐK-TCT và mẫu số 20-ĐK-TH-TCT) ban hành kèm theo Thông tư 86/2024/TT-BTC và bãi bỏ các mẫu biểu đăng ký giảm trừ gia cảnh (mẫu số 07/ĐK-NPT-TNCN và mẫu số 07/THĐK-NPT-TNCN) tại Thông tư 80/2021/TT-BTC khi sửa đổi, bổ sung văn bản này. Việc tích hợp này đồng ghĩa với việc tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP sẽ bãi bỏ TTHC này, đồng thời tại thủ tục hành chính đăng ký thuế sẽ thay đổi về thành phần hồ sơ, bao gồm thành phần hồ sơ về đăng ký NPT (trước khi cắt giảm) và đăng ký thuế lần đầu. Tuy nhiên, để đảm bảo không trùng lặp thành phần hồ sơ,

và các thông tin trên tờ khai này có thể truy vấn được từ CSDL Quốc gia về thông tin quan hệ của NNT và NPT trên cơ sở mã định danh cá nhân được sử dụng làm MST.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 1,225,203,682 đồng.

(4) Khai thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam (1,007684)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “Khai thay thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam (1,007674)”.

- Chi phí tuân thủ TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 768,459,754 đồng.

(5) Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản trong trường hợp góp vốn bằng bất động sản. (1,007678)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “Khai thay thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam (1,007674)”.

- Chi phí tuân thủ TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 768,459,754 đồng.

(6) Khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) (1.007682)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “Khai thay thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam (1,007674)”.

- Chi phí tuân thủ TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 768,459,754 đồng.

(7) Khai thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) tại nước ngoài (1.008536)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “Khai thay thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam (1,007674)”.

- Chi phí tuân thủ TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 768,459,754 đồng.

(8) Khai thay thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) tại nước ngoài (1.008539)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “Khai thay thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam (1,007674)”.

- Chi phí tuân thủ TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 768,459,754 đồng.

(9) Khai thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức nơi cá nhân có vốn góp khai thay cho cá nhân trong trường hợp cá nhân góp vốn bằng bất động sản (1,011009)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “Khai thay thuế Thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai; công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật về nhà ở) tại Việt Nam (1,007674)”.

- Chi phí tuân thủ TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 768,459,754 đồng.

(10) Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế (1.008548)

- Lý do bãi bỏ TTHC: NNT tự chịu trách nhiệm việc kê khai, nộp các khoản thuế TNDN, TN theo tờ khai tạm tính và quyết toán.

- Chi phí tuân thủ TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 1,187,494 đồng.

(11) Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên (trừ Lô 09.1) - (1.008326)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “*Khai thuế tài nguyên tạm tính đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên (trừ Lô 09.1) - (1.008547)*” để sửa đổi, bổ sung.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 45,880,450 đồng.

(12) Khai thuế tạm tính cho Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1 - (1.008551)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “*Khai thuế tài nguyên tạm tính đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô, khí thiên nhiên (trừ Lô 09.1) - (1.008547)*” để sửa đổi, bổ sung.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 7,448,826 đồng.

(13) Khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1 (1.010991)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “*Khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ các Hợp đồng phân chia sản phẩm (1.010990)*” để sửa đổi, bổ sung.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 8,582,343 đồng.

(14) Khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên áp dụng cho Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “*Khai quyết toán thuế tài nguyên/ Khai quyết toán phụ thu/ Khai quyết toán thuế TNDN của Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1*” để sửa đổi, bổ sung.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 53,977 đồng.

(15) Khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ Liên doanh Vietsovpetro tại Lô 09.1 (1.010993)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “*Khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ các Hợp đồng phân chia sản phẩm (1.010992)*” để sửa đổi, bổ sung.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 404,828 đồng.

(16) Tờ khai thuế GTGT, TNCN, TNDN đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm (TSBĐ) trong thời gian chờ xử lý

- Lý do bãi bỏ TTHC: Qua rà soát, đối với nghiệp vụ khai thác TSBĐ trong thời gian chờ xử lý đối với các ngân hàng hiện nay như sau:

+ Đây là tài sản bảo đảm được khách hàng dùng thế chấp cho khoản vay, do vậy tài sản này các ngân hàng được sử dụng trong thời gian chờ xử lý, quyền sở hữu vẫn thuộc của khách hàng vay.

+ Đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý của các ngân hàng hiện nay không tách riêng được, do vậy các thu nhập nhận được phát sinh từ hoạt động kinh doanh này đang được các ngân hàng hạch toán chung vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Thuế GTGT và thuế TNDN phát sinh từ hoạt động này được ngân hàng kê khai nộp thuế GTGT (mẫu số 01/GTGT), thuế TNDN (mẫu 03/TNDN).

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 1,136,216 đồng.

(17) Khai thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý (1.01095)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Bỏ mẫu biểu số 02/XĐ-PNTT - Bản xác định số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý tại mục 17 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Nghĩa vụ của người nộp thuế không chỉ bao gồm số thuế phải nộp mà còn bao gồm cả số thuế được khấu trừ. Theo mẫu số 02/XĐ-PNTT (Bản xác định số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý) ban hành tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC không có chỉ tiêu kê khai điều chỉnh số thuế được khấu trừ (trong trường hợp tính trong 01 quý người nộp thuế chỉ có số thuế còn được khấu trừ nhưng nếu khai theo tháng thì vừa có số thuế phải nộp, vừa có số thuế còn được khấu trừ). Ngoài ra, trường hợp NNT thực hiện khai các tờ khai có phân bổ thì chưa có hướng dẫn về chỉ tiêu kê khai điều chỉnh số thuế phải phân bổ cho các địa phương có liên quan.

Do đó, hiện nay ứng dụng chưa nâng cấp đối với mẫu 02/XĐ-PNTT nêu trên dẫn đến việc hệ thống CNTT không thể kiểm soát tự động các chỉ tiêu kê khai trên tờ khai thuế do người nộp thuế gửi đến. Việc bãi bỏ quy định người nộp thuế phải nộp “Bản xác định số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý”, cơ quan thuế xác định lại số thuế phải nộp tăng thêm sẽ giúp đơn giản hóa việc theo dõi, kiểm soát tờ khai thuế của cơ quan thuế cũng như kiểm soát chặt chẽ thông tin kê khai của người nộp thuế.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 72,531,594 đồng.

(18) Gia hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khi có vướng mắc về giải phóng mặt bằng thuê đất (1,011010)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “*Gia hạn nộp thuế (1,008590)*”.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 3,106,457,316 đồng.

(19) Thỏa thuận song phương (1.010333)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “*Đề nghị áp dụng APA chính thức (1.010331)*” để sửa đổi, bổ sung.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 770,724 đồng.

(20) Gia hạn APA (1.010332)

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “*Đề nghị áp dụng APA chính thức (1.010331)*” để sửa đổi, bổ sung.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 5,711,097 đồng.

(21) Sửa đổi APA (1.010334).

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “*Đề nghị áp dụng APA chính thức (1.010331)*” để sửa đổi, bổ sung.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 5,711,097 đồng.

(22) *Hủy bỏ APA (1.010335)*

- Lý do bãi bỏ TTHC: Gộp vào TTHC “*Đề nghị áp dụng APA chính thức (1.010331)*” để sửa đổi, bổ sung.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 618,747 đồng.

(23, 24) *Báo cáo APA thường niên (1.008598) và Báo cáo APA đột xuất (1.008599)*

- Lý do bãi bỏ TTHC: Theo quy định hiện hành, NNT phải nộp báo cáo APA thường niên cho từng năm tính thuế; trường hợp trong quá trình thực hiện APA nếu phát sinh các sự kiện gây ảnh hưởng trọng yếu đến việc tiếp tục thực hiện APA hoặc ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và kê khai thuế của NNT thì NNT có trách nhiệm báo cáo với CQT.

Tuy nhiên, mục đích của việc yêu cầu NNT báo cáo sự kiện phát sinh sự kiện có ảnh hưởng trọng yếu đến việc tiếp tục thực hiện APA là để việc xem xét đề nghị gia hạn, sửa đổi hay hủy bỏ APA đã ký. Theo đó:

- Trường hợp sự kiện phát sinh trong năm có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và kê khai thuế thì đã được phản ánh vào tờ khai thuế quyết toán TNDN (bao gồm thông tin kê khai trên Phụ lục xác định giá giao dịch liên kết);

- Trường hợp phát sinh sự kiện đột xuất trong năm mà theo đánh giá của NNT cần phải sửa đổi/hủy bỏ APA (trong trường hợp bất lợi) hoặc NNT vẫn có mong muốn gia hạn APA đang thực hiện (trong trường hợp thuận lợi), thì các nội dung mà NNT cần báo cáo và đề xuất của NNT nay đã được gộp vào thủ tục “*Đề nghị áp dụng APA chính thức*”.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ TTHC “*Báo cáo APA thường niên*” cắt giảm được 1,133,517 đồng.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ TTHC “*Báo cáo APA đột xuất*” cắt giảm được 1,163,517 đồng.

(25) *Đề nghị tham vấn trước khi nộp hồ sơ APA chính thức (1.008601)*

- Lý do bãi bỏ TTHC: Theo quy định hiện hành thì đây là thủ tục không bắt buộc. Trên thực tế từ khi Nghị định số 126/2020/NĐ-CP có hiệu lực thì hành thì NNT nộp hồ sơ chính thức luôn mà không qua bước tham vấn.

- Chi phí tuân TTHC: Sau khi bãi bỏ, TTHC cắt giảm được 2,852,304 đồng.

2.4. Thủ tục hành chính được giữ nguyên so với quy định hiện hành (Không có)

III. ĐÁNH GIÁ PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN (NẾU CÓ)

Việc triển khai thi hành các quy định của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2020/NĐ-CP không ảnh hưởng đến phân quyền, phân cấp.

IV. ĐÁNH GIÁ BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI (NẾU CÓ)

Việc triển khai thi hành các quy định của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2020/NĐ-CP không ảnh hưởng đến việc bảo đảm bình đẳng giới.

V. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC (NẾU CÓ)

Việc triển khai thi hành các quy định của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2020/NĐ-CP không ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách dân tộc.

Trên đây là bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo nghị định sửa đổi bổ sung một số điều tại nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế./.